

Số: 315/2017/HNGĐ – ST

Ngày 28/12/2017

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

Hoàng Hoá, ngày 28 tháng 12 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Hoa
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Xuân Thư
Ông Lê Bình Quyền
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Phương - Thư ký Tòa án
- *Đại diện Viện kiểm sát ND huyện Hoàng Hóa tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2017 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2017/QĐXX-ST ngày 15 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Th, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn V 1, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Th, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn V 1, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn anh Nguyễn Th, vắng mặt bị đơn chị Lê Thị Th (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/10/2017, bản tự khai ngày 24/10/2017 và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay của anh Nguyễn Th thể hiện:

Tôi (Th) và chị Lê Thị Th tự nguyện kết hôn với nhau, được UBND xã Ph, huyện Ch cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2003. Vợ chồng tôi sống với nhau khoảng 10 năm thì đến năm 2013 cô Th bỏ nhà đi làm ăn cho đến nay, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với cô Th.

Về con: Vợ chồng tôi có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Nhật D, sinh ngày 05/03/2006 lâu nay cháu ở với tôi. Nay ly hôn tôi đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cô Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 27/10/2017 của chị Lê Thị Th thể hiện:

Chị (Th) và anh Nguyễn Th tự nguyện kết hôn với nhau, được Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện Ch, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn tháng 7/2003. Sau khi cưới vợ chồng sống với nhau được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp đến năm 2003 tôi và anh Th sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh Th đề nghị ly hôn tôi, tôi đồng ý ly hôn.

Về con: Vợ chồng có một con chung Nguyễn Lê Nhật D, sinh ngày 05/03/2006. Nay ly hôn anh Th có nguyện vọng được nuôi cháu, nguyện vọng của tôi do cháu từ nhỏ đến nay cháu đang ở với anh Th nên tôi không muốn xáo trộn cuộc sống của cháu vì vậy tôi thống nhất để cháu D cho anh Th nuôi dưỡng.

Về tài sản: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án giao thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, chị Th có đơn từ chối không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Ngày 12/12/2017 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, sau khi nhận được quyết định chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt.

Việc chị Th vắng mặt tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa, dẫn đến việc các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án do đó Tòa án căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Th không có sự thay đổi, bổ sung, rút toàn bộ về yêu cầu khởi kiện, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về hôn nhân:* Anh Nguyễn Th và chị Lê Thị Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, do Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện Ch cấp giấy chứng nhận kết hôn tháng 7/2003 được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo nguyên đơn trình bày mâu thuẫn vợ chồng anh, chị sống với nhau không hòa thuận đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn, không thể hòa giải nổi, vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay không ai quan tâm đến ai, chị Th cũng xác nhận anh chị không còn tình cảm và đồng ý ly hôn. Như vậy tình cảm anh chị thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần xem xét áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Th đối với chị Lê Thị Th là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh, chị.

[2] Về con: Anh Nguyễn Th và chị Lê Thị Th có 01 con chung là Nguyễn Lê Nhất D, sinh ngày 05/03/2006.

Xét yêu cầu nuôi con: Tại phiên tòa cũng như bản tự khai anh Nguyễn Th vẫn giữ nguyên quan điểm của mình xin được nuôi cháu Nguyễn Lê Nhất D. Vì từ khi chị Th đi làm ăn xa cho đến nay cháu vẫn ở với anh và anh cũng đảm bảo cuộc sống cho cháu trong khi đó cháu D đang học tại trường Trung học cơ sở xã Đ. Nguyên vọng của cháu D cũng mong muốn được ở với bố, quan điểm của chị Th cũng đồng ý để cho cháu được ở với anh Th vì chị đi làm ăn xa nên không có thời gian chăm sóc cháu. Do đó HĐXX cần chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Th là giao cháu D cho anh Th nuôi là phù hợp.

[3] Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Th phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Th được ly hôn chị Lê Thị Th.

[2] Về con: Công nhận cháu Nguyễn Lê Nhất D, sinh ngày 05/03/2006 là con chung của anh Nguyễn Th và chị Lê Thị Th. Giao cháu Nguyễn Lê Nhất D cho anh Th

trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Th có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[3] *Về án phí*: Anh Nguyễn Th phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0005829 ngày 19 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Hóa (anh Th đã thi hành xong).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hoàng Hóa;
- Chi cục THA DS huyện Hoàng Hóa;
- UBND xã
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lường Thị Hoa